

BẢN ÁN SỐ: 65 /2018/ HS-ST
NGÀY: 23/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Đô.
2. Ông Lê Văn La.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên Tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 23/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2018/HS-ST ngày 13/9/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HS ngày 09/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Minh T**, sinh năm 1997. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đồng 3, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 11/12; Bố đẻ: Trần Văn T, sinh năm 1976; Mẹ đẻ: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977; Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 2001; Có một con nhỏ sinh năm 2017; Nhân thân: Bản án số 11/HSST ngày 02/02/2016, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng và 200.000đ án phí về tội “Trộm cắp tài sản”, tài sản trộm cắp là 01 chiếc xe mô tô trị giá 2.500.000đ. T đã chấp hành xong án phí ngày 10/5/2016, chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2017; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/7/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang – (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1997. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đồng 2, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 6/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; Gia đình có 02 chị em, bản thân là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 02/7/2018 đến ngày 08/7/2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại – (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Anh Vũ Đức Q, sinh năm 1973 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Tô Văn N, sinh năm 1988 – (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 – (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng 2, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-LG ngày 12/9/2018 của VKSND huyện Lạng Giang truy tố các bị cáo Trần Minh T và Nguyễn Văn C đều về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cụ thể:

- Khoảng 09 giờ ngày 28/6/2018, Trần Minh T có thuê xe taxi của anh Vũ Đức Q, sinh năm 1973 ở thôn M, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh từ bến xe Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đi thị trấn Kép, huyện Lạng Giang để hẹn gặp Nguyễn Văn C là bạn bè quen biết nhau từ trước tại quán nước của chị Dương Ngọc Q (tức bà Què), sinh năm 1974 ở khu 3, thị trấn Kép là chủ quán nước. Tại đây, T gặp C, sau đó T một mình đi cầm chiếc điện thoại Nokia đen trắng của T ở một quán cầm đồ ở xã Tân Thịnh với giá 200.000 đồng để mua ma túy sử dụng, tiếp đó T bảo anh Q đưa đến khu vực bể bơi thị trấn Kép, anh Q đỗ xe ở ngoài còn T đi vào trong mua ma túy của một người đàn ông tên là Đông (T không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể) ở khu vực bể bơi với giá 100.000 đồng rồi quay lại quán nước trả tiền nước 5.000 đồng và đón C, cả hai cùng đi taxi đến khu vực nghĩa trang nhân dân ở thôn Dinh, xã Tân Thịnh. T bảo anh Q đỗ ở ngoài đợi. T và C xuống xe vào nghĩa trang cùng nhau sử dụng ma túy. Quá trình sử dụng ma túy, T bảo không có tiền trả taxi thì C bảo T trốn xe taxi, T đồng ý. Sau khi sử dụng ma túy xong T và C lại rủ nhau quay lại mua ma túy để tiếp tục sử dụng. Cả hai lên xe taxi, T bảo anh Q đưa ra khu vực bể bơi thị trấn Kép, do sợ thiếu tiền, trên đường đi, T vay của anh Q 60.000 đồng. Đến nơi, T xuống xe đi mua ma túy còn C và anh Q đợi ở ngoài. Mua ma túy xong, T ra xe

và bảo anh Q đưa lên ngôi nhà hoang ở gần khu vực Ga Kép để sử dụng ma túy tiếp. Quá trình sử dụng ma túy T có nhớ chiếc điện thoại Redmi Note 5 màu đen của T đang cầm cố ở nhà anh Lương Đình K, sinh năm 1979 ở khu 3, thị trấn Kép sắp hết hạn mà T không có tiền để chuộc lại nên T nảy sinh ý định lừa đảo để lấy chiếc điện thoại *Samsung Galaxy J7 Pro* của anh Q. T hỏi C “trốn tiền taxi với lấy điện thoại ông bảo tôi làm thế nào”, C bảo T trốn xe taxi và nói dối là mượn điện thoại của lái xe taxi để gọi bạn mục đích để chiếm đoạt điện thoại. Sau đó cả hai bàn bạc và thống nhất rồi ra xe bảo anh Q đi xe đến quán nước, C xuống lấy xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 05747 mượn của chủ là Vũ Văn S, sinh năm 1973 ở thôn Hạ, xã Nghĩa Hòa để đi học và gửi ở quán nước trước đó, C đỡ đợi T cách chỗ anh Q đỡ xe khoảng 50m. T ngồi trên xe bảo anh Q cho mượn điện thoại để gọi bạn, do tin tưởng nên anh Q đồng ý đưa cho T 01 điện thoại Nokia loại đen trắng. T cầm máy đi ra chỗ C, C đọc 1 số để T giả vờ gọi bạn sau đó C bảo lấy máy này làm gì và bảo mượn máy khác để lên mạng tìm bạn. T mang điện thoại đen trắng trả lại anh Q và bảo mượn máy khác để lên mạng facebook tìm số bạn. Anh Q đưa cho T mượn chiếc *Samsung Galaxy J7*. T cầm điện thoại đi ra chỗ C, vừa đi T vừa hỏi chị Q chủ quán nước gần đó mật khẩu wifi để anh Q không nghi ngờ. T ra xe thì C nổ máy xe chở T bỏ trốn đến gần phố Bằng, T xuống xe một mình mang chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của anh Q đến quán nhà anh Tô Văn N, sinh năm 1988 ở thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa nói dối là của T và cấm dứt (tức là anh N được phép bán) chiếc điện thoại này với giá 3.200.0000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐ ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạng Giang định giá: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng, đã qua sử dụng có giá 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Kết thúc phần tranh luận, sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện VKSND Huyện Lạng Giang vẫn giữ N quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX: Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với T: Tuyên phạt Trần Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù và Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với C phạt Nguyễn Văn C từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 – 20 tháng. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với cả hai bị cáo.

Ngoài ra vị đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xử lý về vật chứng, về trách nhiệm dân sự và án phí của vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo T đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện làm ăn lương thiện.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, ý kiến của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua xét hỏi các bị cáo Trần Minh T và Nguyễn Văn C đều đã thừa nhận: Buổi trưa ngày 28/6/2018, tại khu vực quán nước của chị Dương Ngọc Q ở khu 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, Trần Minh T và Nguyễn Văn C đã có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng của anh Vũ Đức Q, sinh năm 1973 ở thôn M, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trị giá chiếc điện thoại T và C chiếm đoạt của anh Q là 4.300.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận Trần Minh T và Nguyễn Văn C đều về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS. Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-LG ngày 12/9/2018 của VKSND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với Trần Minh T và Nguyễn Văn C đều về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi đó không chỉ xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

- Xét về tính chất của vụ án thì thấy đây là vụ án có đồng phạm, song với hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo khi thực hiện tội phạm thấy người bị hại dễ bị lừa và việc chiếm đoạt tài sản của bị hại dễ thực hiện nên nảy sinh ý định bột phát đồng thuận, không có sự phân công phân nhiệm hoặc bàn bạc kỹ với nhau từ trước để cùng phạm tội.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy bị cáo T là người chủ động rủ rê C cùng thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của anh Q. C cũng hành động giúp sức tích cực, sau khi chiếm đoạt được tài sản T đã cho C một phần số tiền bán được điện thoại của anh Q, do vậy T giữ vai trò chính trong vụ án. C giữ vai trò còn lại. Áp dụng Điều 17; Điều 58 BLHS đối với T và C.

- *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy:*

+ Về tình tiết tăng nặng: Không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Cả hai bị cáo đều xuất thân từ thành phần lao động, quá trình điều tra và trước phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú. Bị cáo C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tác động cùng gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo C được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Trần Minh T có nhân thân:

Bản án số 11/HSST ngày 02/02/2016, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng và 200.000 đồng án phí về tội “Trộm cắp tài sản”, tài sản trộm cắp là 01 chiếc xe mô tô trị giá 2.500.000 đồng. T đã chấp hành xong án phí ngày 10/5/2016, chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2017.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX xét thấy cần bắt các bị cáo T phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện. Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự đối với T. Riêng bị cáo Nguyễn Văn C HĐXX xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có địa chỉ cư trú rõ ràng và tại phiên tòa đại diện VKS huyện Lạng Giang đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, do vậy cần chấp nhận cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục C trở thành con người làm ăn lương thiện, vừa thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN. Áp dụng Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Văn C.

Do bị cáo Trần Minh T hiện đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 174 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T và C để sung công quỹ nhà nước. Xong xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo đều khó khăn, bản thân bị cáo T mắc nghiện ma túy, cả 2 bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo C chưa có vợ con sống chung cùng bố mẹ, nên HĐXX xem xét miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

[5] Việc xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro, anh N đã bán cho một người không quen biết, cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 02/7/2018, anh N giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng mặt sau có dán mảnh giấy màu xanh in dòng chữ 1,3tr; 01 điện thoại di động Redmi note 5 màu đen mặt trước có dán mảnh giấy màu xanh in dòng chữ “30/6 T 2,3tr. 1 tuần” để phục vụ điều tra. Tại phiên tòa anh N không có yêu cầu gì khác đối với T và đề nghị xin lại 02 chiếc điện thoại. Xét 02 điện thoại do anh N giao nộp có liên quan đến tiền bán điện thoại do T phạm tội, tuy nhiên anh N không biết việc T phạm tội và tại phiên tòa Trần Minh T có yêu cầu đề nghị HĐXX trả lại cả 02 chiếc điện thoại này cho anh N mà không có yêu cầu thêm gì khác, do vậy cần trả lại cho anh N là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Q yêu cầu T và C bồi thường thiệt hại cho anh số tiền 6.000.000 đồng (bao gồm 510.000 đồng tiền taxi, 60.000 đồng T vay của anh, và tiền điện thoại). Ngày 23/7/2018, bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 là mẹ đẻ C đã thay mặt tự nguyện khắc phục thiệt hại cho C bồi thường cho anh Q 2.500.000 đồng, anh Q đồng ý, không có yêu cầu gì với C và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho C, chỉ yêu cầu T phải bồi hoàn số tiền còn lại. Tại phiên tòa Trần Minh T nhất trí bồi hoàn toàn bộ số tiền còn lại 3.500.000 đồng cho anh T, bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả số tiền đã bồi hoàn cho anh Q, do vậy HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận này.

Tại phiên tòa hôm nay người bị hại anh Vũ Đức Q vắng mặt. Tuy nhiên đã có đơn xin vắng mặt và được Tòa án T hành tống đạt giấy báo phiên tòa đầy đủ, hợp lệ do vậy về quyền lợi đã được pháp luật bảo vệ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T và Nguyễn Văn C đều phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

** Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Trần Minh T:*

- Xử phạt Trần Minh T 10 (Mười) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày tạm giữ 02/7/2018.

** Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn C:*

- Xử phạt Nguyễn Văn C 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 1 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho anh Tô Văn N 01 điện thoại di động Iphone5 màu trắng, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, có số Imel 990003194136947 và 01 điện thoại di động màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, mặt sau có dán tem, trên tem có ba dòng chữ Trung Quốc.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 30 BLTTHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Xử buộc Trần Minh T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Vũ Đức Q số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

4. Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Trần Minh T và Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có 15 ngày kháng cáo, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án vắng mặt./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- CQĐT + CQTHAHS Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh BG.
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hằng